|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP. HCM**TRƯỜNG THPT NĂNG KHIẾU TDTT H.BC****ĐỀ CHÍNH THỨC***(Đề kiểm tra có 04 trang)* | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ IINĂM HỌC 2022 - 2023MÔN ĐỊA LÍ - KHỐI 12 (KHTN)***Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian phát đề)***MÃ ĐỀ 822** |
| Họ và tên: ......................................................... | Số báo danh: …………………………….. |

**Câu 1.** Loại khoáng sản phi kim loại là nguyên liệu quan trọng để sản xuất phân lân có trữ lượng lớn ở TD&MN Bắc Bộ là

 **A.** graphit. **B.** pirit. **C.** mica. **D.** apatit.

**Câu 2.** Ở Tây Nguyên có các cây công nghiệp nhiệt đới tiêu biểu là

 **A.** cà phê, cao su, hồ tiêu. **B.** cà phê, điều, bông.

 **C.** cà phê, hồ tiêu, bông. **D.** cao su, hồ tiêu, điều.

**Câu 3.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, trung tâm công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng có quy mô lớn nhất (năm 2007) vùng TD&MN Bắc Bộ là

 **A.** Bắc Giang. **B.** Yên Bái. **C.** Việt Trì. **D.** Hạ Long.

**Câu 4.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm có quy mô lớn nhất (năm 2007) vùng Bắc Trung Bộ là

 **A.** Vinh. **B.** Thanh Hoá. **C.** Đồng Hới. **D.** Huế.

**Câu 5.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp chung, phần lớn diện tích đất mặt nước nuôi trồng thuỷ sản ở nước ta tập trung tại

 **A.** DHNTB. **B.** ĐBSH. **C.** Đông Nam Bộ. **D.** ĐBSCL.

**Câu 6.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp chung, cho biết loại đất nào sau đây

chiếm phần lớn diện tích vùng Bắc Trung Bộ?

 **A.** đất phi nông nghiệp.

 **B.** đất lâm nghiệp có rừng.

 **C.** đất trồng cây công nghiệp lâu năm và cây ăn quả.

 **D.** đất trồng cây lương thực, thực phẩm và cây hàng năm.

**Câu 7.** ĐBSH ***không*** tiếp giáp với vùng nào trong số các vùng sau đây?

 **A.** Bắc Trung Bộ. **B.** Vịnh Bắc Bộ. **C.** DHNTB. **D.** TD&MN Bắc Bộ.

**Câu 8.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp chung, phần lớn diện tích đất trồng cây công nghiệp lâu năm và cây ăn quả ở nước ta tập trung tại

 **A.** Tây Nguyên và Đông Nam Bộ. **B.** Đông Nam Bộ và TD&MN Bắc Bộ.

 **C.** Tây Nguyên và TD&MN Bắc Bộ. **D.** Tây Nguyên và Bắc Trung Bộ.

**Câu 9.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết ngành nào sau đây ***không*** xuất hiện ở trung tâm công nghiệp Vinh?

 **A.** chế biến nông sản. **B.** sản xuất vật liệu xây dựng.

 **C.** cơ khí. **D.** dệt, may.

**Câu 10.** Nhóm đất có diện tích lớn nhất ở ĐBSCL là

 **A.** đất phèn. **B.** đất phù sa ngọt. **C.** đất xám. **D.** đất mặn.

**Câu 11.** Loại khoáng sản nào sau đây ***không*** có ở vùng biển DHNTB?

 **A.** Than bùn. **B.** Cát thuỷ tinh. **C.** Muối. **D.** Dầu khí.

**Câu 12.** Đối với vùng Bắc Trung Bộ, lát cắt lãnh thổ từ Tây sang Đông thể hiện cơ cấu ngành nông nghiệp (theo nghĩa rộng) theo không gian là

 **A.** ngư - nông - lâm nghiệp. **B.** ngư - lâm - nông nghiệp.

 **C.** lâm - nông - ngư nghiệp. **D.** nông - lâm - ngư nghiệp.

**Câu 13.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, hai tỉnh có diện tích trồng lúa (năm 2007) lớn nhất nước ta là

 **A.** An Giang và Kiên Giang. **B.** Kiên Giang và Đồng Tháp.

 **C.** An Giang và Long An. **D.** Kiên Giang và Long An.

**Câu 14.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết ngành sản xuất ô tô nước ta (năm 2007) mới chỉ có ở các trung tâm công nghiệp nào sau đây?

 **A.** TP. Hồ Chí Minh và Vũng Tàu. **B.** Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.

 **C.** Hà Nội và Đà Nẵng. **D.** Hà Nội và Hải Phòng.

**Câu 15.** Cho bảng số liệu:

**GDP NƯỚC TA PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ NĂM 2000 VÀ NĂM 2019**

*(Đơn vị: Tỉ đồng)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tổng số** | **Nông – lâm – thuỷ sản** | **CN-xây dựng** | **Dịch vụ** |
| 2000 | 441 646 | 108 356 | 162 220 | 171 070 |
| 2019 | 5 438 721 | 842 601 | 2 082 261 | 2 513 859 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)*

Theo bảng số liệu, dạng biểu đồ nào thích hợp nhất để thể hiện cơ cấu GDP nước ta phân theo khu vực kinh tế năm 2000 và 2019?

 **A.** Biểu đồ đường. **B.** Biểu đồ tròn. **C.** Biểu đồ miền. **D.** Biểu đồ cột.

**Câu 16.** Các cây công nghiệp hàng năm chiếm vị trí hàng đầu ở Đông Nam Bộ là

 **A.** mía, lạc. **B.** mía, bông. **C.** mía, thuốc lá. **D.** mía, đậu tương.

**Câu 17.** TD&MN Bắc Bộ có nguồn thuỷ năng lớn là do

 **A.** địa hình dốc và sông ngòi có lưu lượng nước lớn.

 **B.** địa hình dốc, lắm thác ghềnh, nhiều phù sa.

 **C.** đồi núi cao, mặt bằng rộng, mưa nhiều.

 **D.** nhiều sông ngòi, mưa nhiều.

**Câu 18.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên, cho biết Tây Nguyên có nhiều loại khoáng sản nào sau đây?

 **A.** Bô - xít. **B.** Asen. **C.** Crom. **D.** Apatit.

**Câu 19.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết hầu hết các tuyến đường sắt của nước ta đều kết nối với trung tâm kinh tế nào sau đây?

 **A.** Đà Nẵng. **B.** Hà Nội. **C.** TP. Hồ Chí Minh. **D.** Hải Phòng.

**Câu 20.** Phương hướng chính để khai thác kinh tế biển ở ĐBSCL là

 **A.** tạo thế kinh tế liên hoàn (mặt biển - đảo - quần đảo - đất liền).

 **B.** xây dựng các cảng biển nước sâu.

 **C.** đầu tư đội tàu công suất lớn để đánh bắt xa bờ.

 **D.** đầu tư phát triển du lịch biển, đảo.

**Câu 21.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết cảng Vũng Áng thuộc tỉnh nào sau đây?

 **A.** Hà Tĩnh. **B.** Thanh Hoá. **C.** Nghệ An. **D.** Quảng Bình.

**Câu 22.** Vùng gò đồi trước núi của Bắc Trung Bộ có thế mạnh về

 **A.** chăn nuôi gia súc lớn.

 **B.** chăn nuôi gia cầm.

 **C.** phát triển cây công nghiệp hàng năm.

 **D.** phát triển cây lương thực và chăn nuôi lợn.

**Câu 23.** Ý nào sau đây ***không*** phải là vai trò của các công trình thuỷ điện ở Tây Nguyên?

 **A.** Dự trữ nguồn nước tưới quan trọng cho mùa khô.

 **B.** Điều hoà khí hậu của vùng và các vùng xung quanh.

 **C.** Tạo cảnh quan có giá trị du lịch và mặt nước nuôi trồng thuỷ sản.

 **D.** Cung cấp điện cho sản xuất và đời sống.

**Câu 24.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Thương mại, Việt Nam xuất khẩu sang các nước và vùng lãnh thổ có giá trị trên 6 tỉ USD là

 **A.** Hoa Kì và Trung Quốc. **B.** Nhật Bản và Xin-ga-po.

 **C.** Nhật Bản và Đài Loan. **D.** Hoa Kì và Nhật Bản.

**Câu 25.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Thương mại, thị trường xuất - nhập khẩu hàng hoá (năm 2007) lớn nhất của nước ta là khu vực

 **A.** Đông Nam Á. **B.** Bắc Mĩ.

 **C.** châu Á - Thái Bình Dương. **D.** Liên minh châu Âu (EU).

**Câu 26.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Du lịch, các trung tâm du lịch có ý nghĩa vùng (năm 2007) của TD&MN Bắc Bộ là

 **A.** Hạ Long và Lạng Sơn. **B.** Hạ Long và Thái Nguyên.

 **C.** Thái Nguyên và Việt Trì. **D.** Hạ Long và Điện Biên Phủ.

**Câu 27.** Cho biểu đồ về cây công nghiệp nước ta, năm 2010 và 2018:



*(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)*

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

 **A.** Sự chuyển dịch cơ cấu sản lượng một số cây công nghiệp.

 **B.** Sản lượng một số cây công nghiệp.

 **C.** Tốc độ tăng trưởng sản lượng một số cây công nghiệp.

 **D.** Quy mô và cơ cấu sản lượng một số cây công nghiệp.

**Câu 28.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết tuyến quốc lộ nào sau đây ***không*** kết nối Tây Nguyên với DHNTB?

 **A.** Quốc lộ 25. **B.** Quốc lộ 24. **C.** Quốc lộ 19. **D.** Quốc lộ 20.

**Câu 29.** Cho biểu đồ:



**CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á**

*(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)*

Theo biểu đồ trên, hãy cho biết nhận xét nào sau đây ***không***đúng về chỉ số giá tiêu dùng của một số quốc gia Đông Nam Á giai đoạn 2014 - 2018?

 **A.** Thái Lan tăng liên tục. **B.** Lào tăng liên tục.

 **C.** Thái Lan luôn thấp nhất. **D.** Việt Nam cao hơn Lào.

**Câu 30.** Việc tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài đã giúp công nghiệp của vùng Đông Nam Bộ

 **A.** tăng cường nguồn lực về vốn và công nghệ tiên tiến.

 **B.** khôi phục được các ngành truyền thống và tạo nhiều việc làm.

 **C.** phát triển theo chiều rộng và chống biến đổi khí hậu.

 **D.** mở rộng khai thác tài nguyên và đẩy mạnh xuất khẩu.

**Câu 31.** Nhân tố ***không***đúng khi nói về thuận lợi đối với việc sản xuất muối ở DHNTB là

 **A.** số giờ nắng và gió trong năm nhiều.

 **B.** người dân có kinh nghiệm.

 **C.** địa hình bờ biển có nhiều vũng vịnh.

 **D.** không có các hệ thống sông ngòi lớn.

**Câu 32.** Ở ĐBSH tập trung nhiều di tích, lễ hội, các làng nghề truyền thống là do

 **A.** nền kinh tế phát triển nhanh.

 **B.** có nhiều dân tộc anh em cùng chung sống.

 **C.** có lịch sử khai thác lâu đời với nền sản xuất phát triển.

 **D.** chính sách đầu tư phát triển của Nhà nước.

**Câu 33.** Đàn trâu của vùng TD&MN Bắc Bộ nhiều nhất cả nước là do

 **A.** trâu khoẻ, ưa khí hậu ẩm và chịu rét giỏi.

 **B.** trâu khoẻ, ưa khí hậu ẩm và có nhiều đồng cỏ.

 **C.** trâu khoẻ, ưa khí hậu ẩm, chịu rét giỏi và thích nghi với chăn thả trong rừng.

 **D.** nhu cầu của vùng về thịt, sức kéo và phân bón từ trâu lớn.

**Câu 34.** Cho bảng số liệu:

**CƠ CẤU SỬ DỤNG LAO ĐỘNG PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ NƯỚC TA**

*(Đơn vị: %)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **2009** | **2019** |
| Nông - lâm - thủy sản | 53,9 | 35,3 |
| Công nghiệp - xây dựng | 20,3 | 29,2 |
| Dịch vụ | 25,8 | 35,5 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)*

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây ***không*** đúng với tỉ trọng lao động phân theo khu vực kinh tế nước ta từ 2009 - 2019?

 **A.** Dịch vụ tăng. **B.** Công nghiệp - xây dựng giảm.

 **C.** Năm 2019, dịch vụ cao nhất. **D.** Nông - lâm - thủy sản giảm.

**Câu 35.** Ý nghĩa quan trọng nhất của hệ sinh thái rừng ngập mặn ở Đông Nam Bộ là

 **A.** cung cấp gỗ, củi và diện tích cho nuôi trồng thuỷ sản.

 **B.** tham quan du lịch.

 **C.** bảo tồn những di tích thời kháng chiến chống Mĩ.

 **D.** bảo tồn các hệ sinh thái rừng ngập mặn.

**Câu 36.** Giao thông vận tải đường thuỷ nội địa ở ĐBSCL được thuận lợi là nhờ vào

 **A.** mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, cắt xẻ châu thổ thành những ô vuông.

 **B.** dân số đông, có kinh nghiệm.

 **C.** đội tàu thuyền đa dạng và ngày càng được hiện đại.

 **D.** vị trí giáp với Biển Đông ở phía đông và vịnh Thái Lan ở phía tây nam.

**Câu 37.** Trọng tâm của định hướng chuyển dịch cơ cấu trong nội bộ từng ngành kinh tế ở ĐBSH là

 **A.** phát triển và hiện đại hoá nông nghiệp, gắn sự phát triển của nó với công nghiệp chế biến.

 **B.** phát triển và hiện đại hoá công nghiệp khai thác, gắn nó với nền nông nghiệp hàng hoá.

 **C.** phát triển và hiện đại hoá công nghiệp chế biến, còn các ngành công nghiệp khác và dịch vụ gắn với yêu cầu phát triển nông nghiệp hàng hoá.

 **D.** phát triển và hiện đại hoá công nghiệp chế biến và khai thác.

**Câu 38.** Công nghiệp của Bắc Trung Bộ phát triển chưa tương xứng với tiềm năng chủ yếu là do

 **A.** thiên tai xảy ra nhiều. **B.** cơ sở hạ tầng yếu kém.

 **C.** hậu quả của chiến tranh. **D.** thiếu tài nguyên thiên nhiên.

**Câu 39.** Phát biểu nào sau đây ***không*** đúng với nghề cá ở DHNTB hiện nay?

 **A.** Cần khai thác hợp lí và bảo vệ nguồn lợi hải sản.

 **B.** Hoạt động chế biến hải sản ngày càng đa dạng.

 **C.** Nuôi trồng thuỷ sản đang phát triển ở nhiều tỉnh.

 **D.** Chỉ tạo ra hàng hoá phục vụ nhu cầu xuất khẩu.

**Câu 40.** Biện pháp hiệu quả nhất để hạn chế nạn chặt phá rừng bừa bãi ở Tây Nguyên là

 **A.** giao đất, giao rừng để người dân quản lí.

 **B.** chỉ khai thác rừng thứ sinh.

 **C.** tăng cường kiểm tra, xử phạt những vi phạm.

 **D.** tích cực trồng rừng để bù lại những diện tích đã mất.

**------ HẾT ------**